

**TRƯỜNG THCS – THPT NGUYỄN KHUYẾN**

**TRƯỜNG TH - THCS - THPT LÊ THÁNH TÔNG**

**TỔ QUỐC PHÒNG - SỬ - CÔNG DÂN**



**KỈ YẾU HỘI THẢO**

**THAM QUAN**

**TRUNG ƯƠNG**

**CỤC MIỀN NAM**

**Tháng 4 - 2021**

## ĐI MỘT NGÀY ĐƯỜNG

Tháng tư nhớ lại chuyện rung trời lở đất, rầm rập tiếng quân đi, từng đoàn xe từ các ngã đường cùng hành quân về thống nhất đất nước. Tháng tư lịch sử này đoàn tham quan của thầy cô giáo tổ Quốc phòng – Sử - Công dân và giáo viên trường THCS – THPT Nguyễn Khuyến, ngược về thăm lại Trung ương cục miền Nam, khối não chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh thần thánh để kết thúc cuộc chiến tranh giữ nước, mười ngàn ngày không ngủ của cả một dân tộc anh hùng.

Con đường dẫn chúng tôi về chiến khu nay rộng thênh thang, tấp nập vào loại bậc nhất xứ Sài thành. Nhưng mấy ai biết, lịch sử của nó đã có hơn ba trăm năm tuổi, gắn liền với thừa mang gươm đi mở cõi của ông cha ngày nào. Ngày đầu, đường đắp bằng đất, chỉ rộng chừng lối một xe ngựa chạy qua, con cháu nhiều thế hệ sinh sôi quần tụ mở làng, lập ấp tạo ra những vùng văn hóa bên con đường Thiên lí hướng tây lên Cao Miên đầy nắng. Đi qua khu chợ Ông Tạ có văn hóa người Bắc di cư những năm 50, lên một chút ta gặp tiếng Mô, tê, răng rứa, tiếng dẹt inh tai của người Quảng Bảy hiện vào lập nghiệp thập niên 60. Qua Bà Queo nhớ về mặt trận chống Pháp tái chiếm của nhân dân Nam Bộ “nóp với giáo mang ngang vai, nhưng thân trai nào kém oai hùng” năm 1945; đến Hóc Môn nhớ những ngày Khởi nghĩa Nam Kỳ rực lửa, lần đầu thấy lá cờ sao vàng năm cánh tung bay 1940. Đây rồi Củ Chi đất thép, kiên cường giữa những năm bom lửa.

Chuyến đi đưa đoàn qua những làng quê êm ả, nơi cư dân tằn tảo, khéo léo đôi tay tạo ra những món ngon của từng miền quê thương nhớ, để đãi khách thập phương quyến luyến mãi khi về. Lên Tây Ninh thưởng thức cái ngon đậm đà của tô bánh canh Trảng Bàng. Cọng bún mềm cong làm từ hạt gạo trắng ngần, cắn khoăn giò heo mềm rụm, húp từng ngụm nước lèo ngọt lịm, thơm lừng.

Từ xa xa đã trông thấy “nóc nhà” Nam bộ cao hơn chín trăm mét, uy nghi đường vệ, cô đơn giữa nền trời xanh biếc. Có bao truyền thuyết đã ra đời từ Núi Bà Đen linh thiêng, nơi có ngôi chùa Linh Sơn cổ kính hàng trăm năm tuổi, là chốn hành hương của tín đồ muôn ngả. Là điểm cao nhất nên đôi khi chịu nhiều tai ương nhất, trong chiến tranh nơi đây chiến sự ác liệt tạo nên những trận đánh xuất quỷ nhập thần của đặc công miền Đông “gian lao mà anh dũng”.

Về thăm lại chiến khu, qua Tua Hai, ghi dấu ấn Đồng khởi miền Đông (1960) bắt đầu từ nghị quyết 15, chuyển từ đấu tranh chính trị sang hình thức đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị, bằng phương châm “hai chân - ba mũi - ba vùng”, đáp ứng kịp thời cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của nhân dân Nam bộ.

Đoàn đi càng gần tới biên giới Campuchia, ta nhớ lại những ngày tháng nhân dân Việt Nam giúp đỡ đất bạn xây dựng lại quê hương sau nạn diệt chủng thảm khốc với dân tộc hiền hòa bên dòng sông Mê Kông hùng vĩ. Ngày nay nhìn qua bên kia biên giới thấy sự hồi sinh kì diệu của nhân dân chùa Tháp, có một phần đóng góp xương máu của anh bộ đội cụ Hồ và những chuyên gia tình nguyện sang giúp bạn hồi thập niên tám mươi thế kỉ trước.

Biên giới hai nước Việt Nam – Campuchia ngày một được phân định rõ ràng qua các hiệp định biên giới 1985, 2005 và được củng cố dựa trên hoạt động có hiệu quả của các đồn biên phòng nằm dọc tuyến. Đồn biên phòng Chàng Riệc, nằm ngay kề Trung ương cục miền Nam, quản lí và bảo vệ tám cột mốc quốc giới và đoạn biên giới dài gần 20km. Năm 2015 vừa qua chính phủ đã nâng cấp thành cửa khẩu Chàng Riệc đáp ứng nhu cầu giao thương buôn bán, qua lại giao lưu văn hóa giữa hai dân tộc anh em hòa hiếu.

Trung ương cục miền nam nằm ngay trong cánh rừng Chàng Riệc che chở. Có lẽ vì lấy tên cánh rừng mà còn gọi là Chiến khu R. Những căn nhà đơn sơ lợp lá trung quân bên tàn cây cỏ thụ, từng mang trong đó những trái tim, khối óc của những con người quả cảm “dù có đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải thống nhất đất nước”. Từ nơi đây những quyết định đã được gửi đến toàn miền Nam một cách linh hoạt và chủ động tùy từng tình hình cụ thể, để đương đầu với những chiến lược “đặc biệt”, “cục bộ”, “Việt Nam hóa”...và cuối cùng là tranh thủ từng phút từng giây mở chiến dịch Hồ Chí Minh thống nhất đất nước. Sự phối hợp nhịp nhàng giữa trung ương ở xa, trung ương cục ở trong lòng địch đã minh chứng những bước đi đầy táo bạo, bất ngờ nhưng cũng rất sáng suốt của chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo tiền bối.

Tây Ninh được mệnh danh là vùng đất “thánh” vì nơi đây xuất tích của Đạo cao đài năm 1926. Do ra đời muộn nên bên trong triết lí thờ phụng của đạo cao đài chứa đựng nhiều tín ngưỡng dân gian của người Việt đi mở đất phương sử Nam và kế thừa những tinh hoa của các tôn giáo nhân loại. Sự pha trộn ấy chính là ngôi tòa thánh với kiến trúc đặc biệt do những đôi tay của người nông dân Nam bộ “húng” đầu xây đó nên phải mất những ba mươi năm mới khánh thành. Lịch đạo Cao đài cùng chung dòng chảy của vận mệnh nước nhà nên có những lúc quanh co gập ghềnh nhưng rồi lại bình yên chảy vào lòng tín đồ răn làm điều thiện, tránh xa đường tà.

Con đường thiên lí Việt Nam – Cao Miên ngày nào đã trở thành đường xuyên Á, nối Thành Phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh , Phnongpenh và các thành phố khác trong khu vực mở ra một diện mạo mới cho vùng tây bắc đông Nam bộ. Các khu công nghiệp hiện đại như An Phú Trung, Bắc Cù Chi, Trảng Bàng...mọc dọc con đường huyết mạch, các nông trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế của Vinamilk, TH true milk...đang làm bộ mặt của vùng nắng lửa bom đạn thay da đổi thịt hàng ngày.

Tháng tư trở về chiến trường xưa như một cách để ta tìm lại dòng chảy lịch sử để người trẻ thấm phục những thế hệ tiền nhân đã chịu nhiều hy sinh mất mát gầy dựng nên một khung trời cho hậu thế sinh sống và hy vọng ...

Tháng tư về, gió hát mùa hè  
Có những chân trời xanh thê  
Mây xa vời, nắng xa vời  
Con sông xa lững lờ trôi...

Thay mặt ban biên tập

*Trần Nam Sơn*

## CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ VIỆT NAM – CAMPUCHIA

*Y Văn Tuấn*

*Mấy ai đi trên con đường Cách Mạng Tháng Tám ngày nay, từ bùng binh Phù Đổng đến Trảng Bàng - Tây Ninh ăn tô bánh canh giò heo béo ngậy biết được con đường ấy đã có hàng trăm năm tuổi, gắn liền với những vui buồn của vùng đất mới của lưu dân người Việt.*

### **Con đường thiên lý Việt Nam – Cao Miên thời mang gương đi mở cõi :**

Theo tài liệu lịch sử ghi lại, từ thời nhà Hán đô hộ, nhân dân ta đã có một con đường bộ lớn nối liền từ biên giới phía Bắc đến tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ở phía Nam ngày nay. Đây chính là con đường bộ xuyên trục Bắc Nam dài nhất của nước ta từ thời xa xưa, kéo dài cả ngàn dặm (mỗi dặm xưa khoảng 0,5 km ngày nay), nên về sau còn được gọi là đường thiên lý. Tuy nhiên, do con đường chủ yếu dành cho quan lại, ít khi dân chúng sử dụng, cho nên đường thiên lý còn gọi là đường cái quan (tức đường lớn của các quan đi). Đến đời nhà Lý, con đường được triều đình củng cố và phát triển để phục vụ cho việc vận chuyển công văn, tài liệu quan trọng và trạm dừng chân của quan lại triều đình cho nên nó còn được gọi là đường quan lộ hay là đường quan báo. Khi vua Gia Long lên ngôi, lập ra nhà Nguyễn thì con đường giao thông Nam Bắc lại được triều đình quan tâm, sai đắp lại, chạy dài từ Ai Nam Quan đến Hà Tiên.

Vùng đất Gia Định xưa, chủ yếu là rừng rậm, sông ngòi, muốn đi lại, dân chúng phải dùng xuồng ghe. Hệ thống đường bộ mới bắt đầu được chú ý xây dựng, khi nhà Nguyễn chính thức đặt bộ máy cai trị ở vùng đất vào năm 1698, khi Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh được chúa Nguyễn Phúc Chu sai làm Thống suất kinh lược xứ. Quan trọng nhất là các con đường từ Gia Định đi các hướng: Bắc, Nam, Đông, Tây - gọi là đường Thiên Lý (đường Cái Quan).

Theo sách Gia định thành thông chí “ Năm Mậu Thìn 1748, quan điều khiển Nguyễn Phúc Doãn cho chăng dây mở đường...” đi hướng tây sang Cao Miên. Năm 1815, Vua Gia Long lệnh cho tổng trấn Lê Văn Duyệt sửa lại lần nữa, đắp từ cửa Đoài Duyệt - Thành Qui, qua Cầu Tham Lương, đến A Ba (Cao Miên) dài 439 dặm, mặt đường chỉ rộng chừng 6 tầm, những chỗ xình lầy thì cho ván xuồng đi qua, những chỗ qua sông bắc cầu, lập bến đò. Con đường này xưa kia qua các vùng rừng rậm, thú dữ nhiều nên dân chúng ít khi qua lại chỉ chủ yếu là chỗ cho ngựa chạy qua mang công văn hỏa tốc về triều đình ngoài Phú Xuân. Theo ghi chép lại những lần động binh bên Cao Miên, tướng trận xin chỉ dụ của vua chỉ mất mười ngày là hồi đáp.

### **Con đường thiên lý thời thuộc Pháp – Mĩ :**



Sau khi chiếm được Gia Định, người Pháp cho mở rộng đường tủa đi khắp ngã, trên những trục đường đã có từ thời nhà Nguyễn. Dựa trên kỹ thuật tối tân thời bấy giờ mặt đường rộng lên đáng kể, xe cộ chạy nhiều hơn để vận chuyển hàng hóa từ Gia Định về và từ muôn nơi đến. Đường thiên lý hướng Tây qua Cao Miên cũng vì vậy được gia cố và mở rộng thêm, mặt đường rộng 6 mét, hai bên có lề để quay xe, phần lớn qua sông đều có cầu bê tông cốt thép. Các đoạn gần thành phố hay biên giới có trải nhựa, tuy nhiên phần lớn các vùng ngoại ô đều bằng đường đất nện như xưa. Từ đây con đường thiên lý được đổi tên thành đường thuộc địa số 1 chạy từ Hữu Nghị Quan qua Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Tây Ninh và đến tận Nam Vang.

Con đường thuộc địa số 1 từ Sài Gòn đến Tây Ninh bắt đầu khởi công xây dựng lại vào năm 1880. Từ Sài Gòn đến Tây Ninh dài 97km gồm 2 đoạn. Đoạn thứ 1 từ Sài Gòn đến Trảng Bàng qua Thuận Kiều, Hóc Môn dài 50km. Đoạn thứ 2 từ Trảng Bàng đến Tây Ninh dài 49km. Sau đó khởi công xây dựng tiếp đến biên giới Campuchia với tổng chiều dài 22 km, cộng toàn tuyến dài 121km. Và lúc này vẫn chưa có đường quốc lộ 22B nối Gò Dầu đến Tây Ninh, nên đường thuộc địa số 1 vẫn cơ bản dựa theo con đường sù có từ triều Gia Long năm 1815, nay là đường 782 và 784. Và đoạn Tây Ninh-biên giới chính là đoạn từ TP. Tây Ninh lên cửa khẩu Phước Tân qua phà Bến Sỏi.

Năm 1917, có lẽ là lúc đã hoàn thành đường từ Gò Dầu Hạ đến Tây Ninh, nên ngày 23.2 toàn quyền Đông Dương đã có nghị định “sắp xếp lại bảng phân loại Đường thuộc địa số 1 đoạn Trảng Bàng- Gò Dầu Hạ- Bến Kéo thuộc tỉnh Tây Ninh được gọi như sau:- Đoạn Sài Gòn- Trảng Bàng dài 50,640km. Đoạn 2 Trảng Bàng- ranh giới Campuchia qua Gò Dầu Hạ dài 22,394km (cộng chung 73,034km). Đây chính là con đường mà nay đã được gọi là đường Xuyên Á đi qua cửa khẩu quốc tế Mộc Bài.

Trong giai đoạn 1954 -1975, quốc lộ 22 tiếp tục được xây dựng và mở rộng nhằm mục đích khai thác kinh tế, vận chuyển khí tài quân sự để đàn áp cuộc kháng chiến của nhân ta ở miền Nam.

### **Tuyến đường gắn liền với những địa danh lịch sử - văn hóa :**

Con đường thiên lý hướng tây nối Thành Phố Hồ Chí Minh – Tây Ninh, đến tận Phnong Phenh ( Campuchia) có lịch sử gắn liền với những thăng trầm của vùng đất Gia Định xưa và Sài Gòn – Chợ Lớn sau này. Trước 1975 con đường này mang tên Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định thành, người có công đưa ra những sách lược vừa cứng rắn, vừa mềm mỏng để từng bước mở rộng và khai phá vùng đất mới. Con đường ấy chạy qua những khu dân cư của đất Sài thành, nơi dung nạp và nuôi dưỡng tất cả những lưu dân từ muôn phương về lập nghiệp. Sau 1975 đổi tên thành đường Cách Mạng Tháng Tám, rồi mới đây khúc từ Lí Thường Kiệt lên quận 12 đổi thành đường Trường Chinh.

Bắt đầu từ bùng binh Phù Đổng, chạy qua khu Mã Lạng nơi sinh sống của các tay anh chị nổi cộm một thời. Đi lên một chút gặp khu chợ ông Tạ nơi tập trung cộng

đồng người Bắc di cư những năm 50, cứ đến mùa Noel lập lòe đèn sáng đón chúa hài đồng. Đi không xa lên Bảy Hiền ta nghe đủ các âm thanh mô, tê, răng, rứa trong tiếng lạch cạch của khung dệt, ngòi lê la ăn tô mì của khu người Quảng Nam vào lập nghiệp những năm 60. Địa danh Bà Quẹo, nhắc ta nhớ lại mặt trận phía Tây của những người lao động Sài Gòn ngăn quân Pháp tái chiếm ngày nào (1945), không cho đánh nông lên mạn Tây Ninh.

Qua cầu Tham Lương, đến vùng đất Hóc Môn, nơi đây nổi tiếng với tên gọi Mười tám thôn vườn trầu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Từ khi thực dân Pháp nổ tiếng súng đầu tiên tấn công thành Gia Định (1859), nhân dân Hóc Môn – Bà Điểm đã liên tục tham gia chiến đấu dưới các ngọn cờ khởi nghĩa của: Trương Định – Trương Quyền (1859 – 1870), Nguyễn Ánh Thủ (1871). Đặc biệt, cuộc khởi nghĩa Mười tám thôn vườn trầu (1885) do 2 ông Phan Công Hớn và ông Nguyễn Văn Quá lãnh đạo, nghĩa quân tấn công vào huyện lỵ Bình Long (Hóc Môn), giết chết tên Đốc phủ sứ gian ác Trần Tử Ca, tay sai đắc lực của Thực dân Pháp. Năm 1940, rục rủa Khởi nghĩa Nam Kỳ, lần đầu cờ đỏ sao vàng tung bay.

Kia rồi, Củ Chi đất thép trong những năm khói lửa, nổi tiếng với hệ thống địa đạo. Đây là một hệ thống phòng thủ trong lòng đất, chỉ cách trung tâm Sài Gòn chưa đến 40 km theo đường chim bay nhưng đã tồn tại ngay trong “mắt giặc” suốt cuộc kháng chiến hàng chục năm. Đủ cho ta hình dung sự ác liệt và cam go của vùng đất thành đồng.

Theo hướng tây bắc đến với Tây Ninh, thủ phủ của bánh tráng, muối ớt. Không biết từ bao giờ những hạt gạo trắng ngần đã được lưu dân Việt chế biến thành những món dân dã làm say mê bao người lữ khách thập phương. Ghé Trảng Bàng ngồi quán ăn tô bánh canh có khoăn giò heo béo ngậy, mềm rụm, hút chút nước lèo ngọt lằng lằng. Trộn chút bánh tráng mỏng tanh phơi sương, nặn chút chanh, trộn đều với muối ớt cắn tê tê đầu lưỡi, hít hà chua chua, nhai dẻo quẹo của món bánh tráng trộn chứ danh.

Thị trấn Gò Dầu nằm ngay bên bờ tả dòng sông Vàm Cỏ Đông, dòng sông xanh thẳm ấy đã đi vào không biết bao nhiêu thơ ca nhạc họa, truyền lại cho thế hệ hậu thế những rung động, khung hình mộng mơ “ Đây con sông xuôi dòng nước chảy, bốn mùa soi từng mảnh mây trời, từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy, bóng lồng trên sóng nước chơi vơi”. Và dòng sông hiền hòa ấy cũng có đôi khi “Đã bao phen đoàn quân cảm tử, vùi đáy sông xác giặc tanh nồng”.

Gần giáp biên giới Campuchia là vườn quốc gia Xa Mát, cánh rừng Chàng Riệc, che chở những đoàn quân ngày nào tiến về Sài Gòn giải phóng thành đô. Cánh rừng già ấy mang trong mình những huyền thoại của những con người bình dị một thời hiến dâng tuổi thanh xuân sẻ dọc Trường Sơn.

\*\*\*\*\*

Con đường thiên lý Việt Nam – Cao Miên giữ một vai trò quan trọng trong tiến trình hình thành - phát triển của vùng đất Đông Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung. Trong thời kỳ phong kiến nhà Nguyễn, đây là con đường huyết mạch giữa Gia Định và Nam Vang.

Quốc lộ 22 còn là sợi dây liên kết giữa chiến trường Nam bộ với chiến trường Campuchia trong cuộc kháng chiến chống Pháp - Mỹ cứu nước.

Ngày nay, con đường thiên lí đã thành Đường xuyên Á, có vị trí rất quan trọng trong mạng lưới giao thông miền Đông Nam Bộ, phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội nội vùng mà còn mở ra khả năng giao lưu và liên kết giữa các tỉnh miền Đông Nam bộ đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh với các nước bạn trong khu vực.

# NÚI BÀ ĐEN NGÀY ẤY VÀ BÂY GIỜ

*Trần Thế Cường*

Núi Bà Đen ở Tây Ninh là quần thể di tích lịch sử văn hóa, là địa danh lịch sử gắn liền cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân và dân Tây Ninh “trung dũng kiên cường”. Núi Bà Đen còn là danh thắng với nhiều truyền thuyết tín ngưỡng dân gian, là điểm hành hương tâm linh nổi tiếng thu hút đông đảo du khách thập phương khắp bốn mùa.

Nằm cách trung tâm Thành phố Tây Ninh 11 km về phía tây bắc, núi Bà Đen là ngọn núi cao nhất miền Đông Nam bộ (986m) và là biểu tượng cho mảnh đất - con người Tây Ninh. Nhìn xa núi Bà Đen như một chiếc nón úp trên đồng bằng, quần thể di tích núi Bà Đen trải rộng trên diện tích hơn 24 km<sup>2</sup> gồm ba ngọn: Núi Bà, núi Phụng và núi Heo, trong đó núi Bà cao nhất với độ cao 986 mét so với mặt biển. Khu vực núi có suối chảy róc rách từ trên đỉnh núi xuống chân núi và hàng trăm hang, động, chùa chiền, đền miếu. Các hang động trong khu vực núi Bà Đen qua hàng trăm năm đã được xây dựng, cải biến thành những nơi linh thiêng thờ thần, thờ Phật như: Hang Gió, chùa Hang, động Thanh Long... Lên lưng chừng núi khoảng 350m là Linh Sơn Thiên Thạch động (Điện Bà), được xây dựng dựa vào thế núi từ một mái đá tự nhiên nhô ra thành am động, bên trong có bàn thờ đặt hình tượng Bà Đen.



Núi Bà Đen còn có nhiều tên gọi khác nhau như là núi Một, núi Điện Bà, có rất nhiều truyền thuyết về sự tích núi Bà Đen. Hầu hết các truyền thuyết được kể lại đều dựa trên cơ sở văn hóa – xã hội, lịch sử, địa lý của Tây Ninh. Trong số đó, truyền thuyết mà mọi người hay nhắc đến nhất chuyện kể rằng, ở vùng quê xưa thuộc huyện Trảng Bàng ngày nay có người con gái tài sắc mang tên Lý Thị Thiên Hương, tuy nước da ngăm đen nhưng rất có duyên. Thuở ấy, núi Bà Đen còn mang tên là núi Một, trên núi có pho tượng phật bằng đá, người dân thường đến đó cúng bái. Vì xinh đẹp nên Lý Thị Thiên Hương thường bị con nhà quan lại ép uống nhân duyên, không ưng thuận nên bị chúng lập mưu chặn đường cưỡng bức trong một lần viếng núi. Được chàng trai nghèo giỏi võ trong vùng tên là Lê Sĩ Triệt ra tay cứu thoát, cảm ơn ân nghĩa nên nàng xin gia đình hai bên cho hẹn ước nhân duyên, nhưng gặp thời loạn lạc chàng trai phải tòng quân. Ở nhà, nàng Thiên Hương chung thủy đợi chờ và



thường lên núi cầu trời khẩn Phật cho người đi chinh chiến sớm được trở về. Một lần, bị bọn tay sai quan lại vây bắt, nàng gieo mình xuống vực sâu tử tiết, không chịu ô uế tấm thân. Vài ngày sau, nàng báo mộng cho nhà sư trụ trì chùa trên núi đến tìm, mang xác về chôn cất. Từ đây, chuyện về nàng gắn liền với những điều linh thiêng thường xuyên xuất hiện. Vua Gia Long sắc phong là Linh Sơn Thánh Mẫu, còn người dân căn cứ vào nước da của bà nên gọi là Bà Đen.

Dù là huyền thoại bí ẩn nhưng truyền thuyết về Bà Đen thể hiện hình tượng người phụ nữ Nam bộ thủy chung và trung trinh tiết liệt, cũng góp phần làm sáng tỏ đặc điểm địa lý, lịch sử vùng đất Tây Ninh trong những ngày đầu khai phá.

Trong kháng chiến chống Mỹ, tại núi Bà Đen dấu vết một thời khói lửa oanh liệt vẫn còn đó. Dọc các bên vách núi, nhiều tầng đá in hằn những vết thương dọc ngang do bom cày đạn xối của những trận đánh ác liệt trên “chiếc nón lá úp giữa đồng bằng” giữa bộ đội ta và Mỹ-ngụy. Nhờ vào địa thế núi cao hiểm trở, chùa cao với “rừng che bộ đội rừng vây quân thù” mà quân và dân địa phương đã chiến đấu ngoan cường trước họng súng, bom đạn của kẻ thù xâm lược để giành toàn thắng, giải phóng Tây Ninh góp phần chung trong giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chính nơi đây lực lượng quân dân vừa bám trụ giữ núi, vừa tỏa xuống các vùng dân cư vận động đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận lập nhiều thành tích vẻ vang chống Mỹ cứu nước. Nổi bật có các trận đánh của Liên đội 7 trinh sát và Tiểu đoàn trinh sát 47. Liên đội 7 trinh sát thuộc Phòng Quân báo Miền đã kiên cường, dũng cảm, mưu trí bám trụ tổ chức lực lượng nắm địch và đánh địch. Cung cấp nhiều tin tức quan trọng góp phần bảo vệ an toàn căn cứ Trung ương Cục miền Nam và Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh Miền. Đơn vị đã tổ chức đánh trên 30 trận lớn và vừa, diệt 56 xe quân sự trong đó có 28 xe tăng, thiết giáp; bắn rơi 8 máy bay trực thăng, Liên đội 7 trinh sát đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Võ trang Nhân dân. Tiểu đoàn Trinh sát 47 thuộc phòng Quân báo Miền đã cùng Liên đội 7 Trinh sát và các đơn vị liên tục tiến công, xiết chặt vòng vây quanh căn cứ tiền tiêu và trung tâm truyền tin tiếp sức của ngụy Sài Gòn ở núi Bà, đánh bại các cuộc phản kích và kế hoạch tăng viện, tiếp tế, tải thương của địch cả đường bộ và đường không.

Vào thời gian lúc bấy giờ, tình hình chiến trường nhiều khó khăn, giặc Mỹ liên tục vây ráp, trước kẻ địch đông hơn gấp nhiều lần, lực lượng bám núi vẫn kiên trì chống trả. Do bị địch phong tỏa gắt gao trong thời gian dài, lương thực không tiếp tế được, có lúc, các cán bộ, chiến sĩ ở núi phải ăn tạm cây chuối, củ nhót, dơi và thằn lằn núi để đủ sức chiến đấu. Vào mùa khô, nước sinh hoạt cũng thiếu, quân ta tiết kiệm tối đa, không vo gạo, không tắm giặt mà chỉ để uống từng chút thấm giọng. Dù chiến đấu trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, nhưng các những chiến sĩ vẫn anh dũng.

Đến ngày 6/1/1975, bằng trận tiến công quyết định, quân ta đã giải phóng núi Bà và sau đó đánh bại nhiều trận tái chiếm núi Bà của kẻ thù.

Một lực lượng nổi bật cũng được nhắc đến trong chiến đấu là các nữ tu trong các chùa ở núi Bà Đen, tham gia bằng cách tận dụng địa thế ngôi chùa hiểm trở để ngăn chặn bước chân quân xâm lược muốn hủy diệt chốn thiên môn thanh tịnh. Các vị nữ

tu ở chùa kiên cường bám trụ, chở che cho quân du kích, các “dũng sĩ núi” chiến đấu oanh liệt chống Mỹ ngụy cho đến ngày toàn thắng.

Ngày nay, Núi Bà đã phủ màu xanh cỏ cây và ngày càng đẹp hơn với những công trình tâm linh, du lịch, mỗi năm đón hàng triệu khách hành hương, và sắp tới đây sẽ được đầu tư để trở thành điểm du lịch trọng điểm, tương xứng với tiềm năng của núi. Từ chân núi, để lên đến điện Bà, có thể đi bằng ba cách: Chinh phục núi bằng đường bộ, đi cáp treo (dài 1.200m, mất 20 phút) và hệ thống máng trượt (lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam). Vào ngày 21/01/1989 Bộ Văn hóa-Thông tin công nhận núi Bà Đen là Di tích lịch sử và danh thắng cấp quốc gia. Sở hữu hệ thống hang động, cảnh quan thiên nhiên ngút ngàn cùng lối kiến trúc đậm chất tôn giáo đã làm núi Bà Đen trở nên độc đáo hơn.

Nhắc đến vùng núi Bà Đen, phải nhắc đến một loại trái cây ngon nổi tiếng là trái măng cầu, loại cây này hợp khí hậu, thổ nhưỡng nơi đây, cây phát triển tốt, cho trái sai, quả hình cầu tròn trái tim, mắt quả to, đều, thịt trắng ngà, dai, ráo, vị ngọt thanh.

Hằng năm, vào dịp đầu xuân, quần thể Khu danh thắng di tích núi Bà Đen thu hút hàng triệu lượt khách trong nước và ngoài nước đến hành hương, tham quan, du ngoạn và dự Lễ hội Xuân núi Bà. Lễ hội thường khai mạc vào ngày mừng 4 Tết và kéo dài suốt tháng Giêng. Lễ hội núi Bà Đen không chỉ là nơi sinh hoạt văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn là nơi vui chơi, cắm trại, sinh hoạt truyền thống của thế hệ trẻ.

## CHIẾN THẮNG TUA HAI - MỞ ĐẦU PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI

Đào Thị Tình

*Tây Ninh vùng đất lịch sử, tâm linh, hơn 60 năm trước, ngày 26/1/1960 đã chứng kiến trận đánh tiêu diệt căn cứ Tua Hai. Chiến thắng đầu tiên này của lực lượng vũ trang cách mạng miền, có tác động to lớn đến phong trào cách mạng miền Nam sau hiệp định Geneve.*

### ***Tua Hai, cái gai phải nhổ:***

Tua Hai (tháp canh cũ của quân đội Pháp) thuộc Trảng Súp, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh cách thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh) 7 km về phía Bắc, nằm trên đường 22. Năm 1956, chính quyền Ngụy xây dựng thành căn cứ quân sự lớn lấy tên thành Nguyễn Thái Học, là căn cứ Trung đoàn 32 thuộc Sư đoàn 21 ngụy, đồng thời là trung tâm huấn luyện quân sự của địch, trang bị hiện đại và có kho vũ khí lớn phục vụ cho chiến trường miền Đông; khuôn viên được bảo vệ rất nghiêm ngặt. Tua Hai như một chiếc gai nhọn án ngữ trên tuyến đường huyết mạch từ Sài Gòn lên Campuchia, nếu không nhổ chiếc gai này Trung ương cục gần như bị chia cắt với thành thị và phần cửa ngõ phía Tây bị chúng phong tỏa ngất ngao.

Vì vậy, Xứ ủy Nam Bộ, Bộ Chỉ huy Quân sự miền Đông phối hợp với Tỉnh ủy Tây Ninh hạ quyết tâm đánh và phải thắng, để làm tiền đề chuyển biến từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang trong toàn miền. Để thực hiện mục tiêu, Bộ Chỉ huy Quân sự miền Đông đã quyết định thành lập Ban chỉ huy trận đánh có các đồng chí: Nguyễn Hữu Xuyên - Chỉ huy trưởng; Tư lệnh chiến trường: Mai Chí Thọ

Phương án tác chiến được Ban Chỉ huy xác định gồm 4 mũi, trận đánh phải bảo đảm tuyệt đối bí mật, bất ngờ, khai thác tối đa những sơ hở của địch. Kết hợp chặt chẽ đặc công, xung kích với bộ binh ngay loạt đạn mở màn, để làm tê liệt, vô hiệu hoá bộ phận chỉ huy trung đoàn và tiểu đoàn ngụy. Các mũi tấn công đánh chia cắt địch không cho các đơn vị ngụy tiếp cận với kho vũ khí của chúng bằng bất cứ giá nào; kịp thời chiếm lĩnh kho vũ khí và nhanh chóng vận chuyển vũ khí về căn cứ của ta để phân tán, cất giấu, phòng địch truy kích chiếm đoạt lại vũ khí.

Nhằm vào đêm 28 Tết (đêm ngày 25 rạng ngày 26 /01/1960), đúng 0 giờ 30 phút, ngày 26/01/1960, lệnh tiến công căn cứ Tua Hai bắt đầu; Mũi 1 đánh vào sở chỉ huy Trung đoàn 32 ngụy; Mũi 2 đánh diệt Tiểu đoàn 1 rồi nhanh chóng chiếm kho vũ khí của địch; Mũi 3 đánh vào Tiểu đoàn 3, sau đó phát triển cùng lực lượng mũi 2 đánh Tiểu đoàn 2; Mũi 4 đánh vào khu quân xa và đại đội trọng pháo. Ngoài ra còn trung đội bộ đội địa phương tỉnh Tây Ninh và một trung đội công binh của Miền (bố trí ở phía Bắc đường 22).

Trước sức mạnh tấn công của ta bằng bộc phá, lựu đạn, thủ pháo và bộ binh; địch bị đánh bất ngờ, hoảng loạn không kịp đối phó, nhanh chóng tan rã. Sau 3 giờ chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ trận địa; trận đánh diễn ra đúng như dự kiến. Kết quả, ta tiêu

diệt được Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2, làm tiêu hao Tiểu đoàn 3, bắt sống và giáo dục thả tại chỗ hơn 500 tù binh và thu hơn 1.000 súng các loại, phá huỷ nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh.

### ***Tua Hai – cú hích phong trào cách mạng miền Nam:***

Trước chiến thắng Tua Hai, cách mạng miền Nam lúc bấy giờ đang bị sự đàn áp dã man với những chính sách tố cộng, diệt cộng của Mĩ – Ngụy, có những nơi tổ chức cách mạng bị xóa sổ hoàn toàn, chỗ khác thì bị thiệt hại đáng kể, trong khi đó bọn giặc đang rêu rao cách mạng miền Nam “đang bị kẹt đường lối, đang bị kẹt hiệp định”...

Trong bối cảnh ấy, tháng 1 năm 1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) họp đề ra nhiệm vụ, đường lối cách mạng chung của cả nước và đường lối của cách mạng miền Nam. Hội nghị khẳng định con đường cách mạng miền Nam là: “Lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”.

Thực hiện chủ trương trên, tháng 1 năm 1960, Hội nghị cán bộ quân sự miền Đông Nam Bộ họp bàn phương án thực hiện Nghị quyết và Tua Hai đã được chọn để chứng minh cho tính thực tiễn của nghị quyết giữa lòng miền Nam. Và thực tiễn đã trả lời, đây là trận đánh không chỉ có lực lượng vũ trang mà còn có nhân dân tại chỗ tiếp ứng, là công tác binh vận có chiều sâu. Tiếng vang của chiến thắng Tua Hai đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng trong toàn tỉnh Tây Ninh, sau đó lan rộng thành phong trào Đồng Khởi khắp Miền Nam, chứng minh nghị quyết 15 đã đi đúng với nguyện vọng của nhân dân Nam bộ, phải được cầm súng đấu tranh chống lại cái ác đang tàn sát làng quê, đồng chí, đồng đội. Đồng thời chiến thắng này đã là một bước chuyển căn bản từ hình thức đấu tranh chính trị thuần túy, sang đấu tranh chính trị kết hợp hình thức vũ trang trong toàn miền, thực hiện bước đi “hai chân” vững chắc, linh hoạt cho cách mạng.

Chiến thắng Tua Hai không chỉ cổ vũ tinh thần mà đã giải quyết được bài toán, những lo lắng về thiếu vũ khí, súng đạn bằng cách cướp vũ khí của địch để trang bị cho ta đánh địch. Từ đây các địa phương đã thông suốt tư tưởng, xây dựng được niềm tin chiến thắng và phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các lực lượng, để giành chiến thắng vang dội trên cơ sở “biết địch, biết ta”, tìm ra cách đánh phù hợp với từng địa phương mình.

Công tác tổ chức của trận đánh cũng là một bài học về việc sử dụng các biện pháp trinh sát nắm địch góp phần rất quan trọng làm nên Chiến thắng Tua Hai. Để nắm chắc địch trong căn cứ Tua Hai, Ban Quân sự miền Đông đã nghiên cứu, đánh giá tin tức do cơ sở nội tuyến, mạng trinh sát nhân dân cung cấp, kết hợp với biện pháp trinh sát bộ binh, đặt đài quan sát và tổ chức cho đặc công đột nhập căn cứ trực tiếp nghiên cứu chiến trường, qua đó kết luận tình hình chính xác, quyết định sử dụng lực lượng, biện pháp chiến đấu táo bạo, giành thắng lợi to lớn.

Đặc biệt, Xứ ủy Nam bộ và Tỉnh ủy Tây Ninh đã dày công xây dựng được cơ sở nội tuyến khá mạnh ở Tua Hai. Những tin tức do nội tuyến báo ra đã góp phần quan trọng vào kế hoạch tác chiến; khả năng gây binh biến tạo ra sự rối loạn tinh thần trong

binh lính địch, khiến cho địch không dám trang bị vũ khí cho tất cả quân số trong căn cứ. Do đó, khi ta tiến công, chỉ có bộ phận binh lính trực chiến của địch mang vũ khí, tạo điều kiện và thời cơ cho trận đánh nhanh chóng giành thắng lợi.

Chiến thắng Tua Hai chứng minh chủ trương “hai chân – ba mũi – ba vùng” hoàn toàn đi đúng hướng cho phong trào cách mạng miền Nam, là công thức điển hình tổ chức đấu tranh giúp cho các địa phương khác học tập. Từ chiến công này phong trào lan rộng đến các tỉnh đồng bằng sông Cửa Long với những hình thức tương tự được áp dụng như “ôm hè, bắt hè” trừ gian diệt ác, lấy súng giặc giết giặc; xây dựng đội quân tóc dài là lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị hùng hậu, là tai mắt của cách mạng, là lực lượng địch vận có tính thuyết phục cao... từng bước làm tan rã từng mảng đồn bốt, khu trù mật của giặc và tạo điều kiện cho cách mạng Việt Nam đi đến thắng lợi sau này.



# **ĐOÀN BIÊN PHÒNG - CỬA NGÕ NGÔI NHÀ TỔ QUỐC**

*Nguyễn Văn Thanh*

Bộ đội Biên phòng là lực lượng nòng cốt, chuyên trách, chủ trì phối hợp với các lực lượng vũ trang, các địa phương, các ngành liên quan và dựa vào nhân dân để quản lý, bảo vệ biên giới, giữ gìn an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

Lịch sử Bộ đội biên phòng :

Sau ngày tiếp quản thủ đô 10/10/ 1954, để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, cần có một lực lượng vũ trang thống nhất, chuyên trách, vững mạnh về chính trị, chặt chẽ về tổ chức; nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; hiểu biết sâu về pháp luật, có năng lực quản lý, bảo vệ biên giới, giới tuyến, nội địa bằng các biện pháp nghiệp vụ chuyên sâu và khả năng chiến đấu vũ trang giỏi. Ngày 19/11/1958, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) ra Nghị quyết số 58/NQ-TW “về việc thành lập lực lượng Cảnh vệ nội địa và Biên phòng”, sau này là lực lượng Công an nhân dân vũ trang.

Tại buổi Lễ thành lập lực lượng ngày 28 tháng 3 năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và huấn thị cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang (CANDVT):

Đoàn kết, cảnh giác  
Liên chính, kiệm cần  
Hoàn thành nhiệm vụ  
Khắc phục khó khăn  
Dũng cảm trước địch  
Vì nước quên thân  
Trung thành với Đảng  
Tận tụy với dân

Ngày 10 tháng 10 năm 1979 Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định về việc “Chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng CANDVT sang Bộ Quốc phòng thành lực lượng Bộ đội biên phòng”.

Ngày 31 tháng 5 năm 1988 Ban Bí thư “Chuyển giao lực lượng BDBP từ Bộ Quốc phòng sang Bộ Nội vụ” đã ghi rõ: “Bộ Quốc phòng chuyển giao nhiệm vụ, toàn bộ tổ chức, biên chế, trang bị và cơ sở vật chất, kỹ thuật của lực lượng BDBP sang Bộ Nội vụ. Lực lượng BDBP đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy toàn diện của Bộ trưởng Bộ Nội vụ”.

Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 08 tháng 8 năm 1995 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về “Xây dựng BDBP trong tình hình mới” đã quyết

định chuyển lực lượng BDBP từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng và xác định nhiệm vụ công tác biên phòng trong tình hình mới

Truyền thống bộ đội biên phòng :

Ngay từ khi mới thành lập, tuy trang bị còn rất thô sơ, thiếu thốn nhiều mặt, địa bàn hoạt động rộng, xa xôi hẻo lánh, thời tiết, khí hậu vô cùng khắc nghiệt... nhưng mọi cán bộ, chiến sĩ CANDVT đã đoàn kết một lòng, vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhanh chóng triển khai lực lượng, dựng đồn, lập trạm, vận động nhân dân định canh, định cư, dựng làng, lập bản, xây dựng cơ sở chính trị, tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc trên biên giới, xây dựng phòng tuyến nhân dân, chiến đấu tiêu phi, chống gián điệp, biệt kích, thám báo, bảo vệ biên giới, bờ biển, giới tuyến quân sự tạm thời; bảo vệ Đảng, Nhà nước và các mục tiêu nội địa quan trọng thuộc 33 khu, tỉnh, thành miền Bắc và thủ đô Hà Nội.

Trên chiến trường miền Nam: Các chiến sĩ an ninh vũ trang đã bám dân, bám đất, diệt ác, phá kìm, bảo vệ Trung ương Cục, bảo vệ vùng giải phóng. Sau phong trào đồng khởi Bến Tre năm 1960, cách mạng miền Nam bước vào thời kỳ mới - thời kỳ đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang; tháng 7 năm 1960, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 01 thành lập “Ban An ninh miền” trong đó nói rõ thành lập bộ phận “An ninh vũ trang”, lúc đầu là Đại đội 180, sau này phát triển thành Trung đoàn 180, làm nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Cục ở chiến khu Đ,

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, được sự chi viện của CANDVT miền Bắc, lực lượng An ninh vũ trang miền Nam đã hợp với các lực lượng khác chiến đấu bất sống, tiêu diệt nhiều tên gián điệp, ác ôn nằm vùng khét tiếng, tiêu hao sinh lực địch và tham gia dẫn đường cho các cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân ta, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tuy đất nước ta đã hoàn toàn độc lập, thống nhất nhưng bọn phản động trong nước vẫn ráo riết cấu kết với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch triển khai kế hoạch “hậu chiến”; lôi kéo người Việt Nam vượt biên, vượt biển di cư ra nước ngoài; sử dụng tàn quân FULRO, tổ chức lực lượng phản động xâm nhập vào biên giới, móc nối xây dựng cơ sở ngầm hòng chống đối chính quyền, chống phá lâu dài cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương... Trước tình hình đó, toàn lực lượng đã tập trung cao độ, khẩn trương triển khai hệ thống đồn, trạm biên giới, vận động Nhân dân xây dựng phòng tuyến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới chiều dài gần 8.000km biên giới, bờ biển, thuộc địa bàn của 1.109 xã, phường, thị trấn; 235 quận, huyện, thị xã, 44 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới, bờ biển, thuộc 7 quân khu (Quân khu 1, 2, 3, 4, 5, 7 và 9); khẩn trương củng cố các đơn vị của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và Nhân dân cả nước quyết tâm đấu tranh chống kế hoạch “hậu chiến”, truy quét tàn quân FULRO, chống vượt biên, vượt biển trái phép, bóc gỡ cơ sở ngầm của địch, củng cố hệ thống chính trị cơ sở mới thành lập ở các tỉnh biên giới phía Nam; trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam (1975 - 1978), biên giới phía Bắc (1979) và chống “chiến tranh phá hoại nhiều mặt”, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới, biển đảo, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc.

Đồn biên phòng cửa ngõ ngôi nhà tổ quốc :

Đồn Biên phòng là đơn vị thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau trong phạm vi địa bàn xã, phường biên giới được phân công phụ trách:

- Tổ chức quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc ở khu vực biên giới trên bộ và trên biển, bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, bảo vệ lợi ích và tài nguyên quốc gia trên khu vực này, ngăn chặn mọi hành động xâm phạm và làm thay đổi đường biên giới quốc gia.

- Tổ chức kiểm tra thực hiện pháp luật về biên giới quốc gia trên bộ và trên biển thuộc chủ quyền của Nhà nước Việt Nam, kiểm soát việc xuất, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới và các đường qua lại biên giới. Trên vùng biển, Bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ biên phòng trong phạm vi ranh giới được Nhà nước phân công.

- Tổ chức thực hiện quan hệ phối hợp với các lực lượng biên phòng nước láng giềng để thi hành các điều ước quốc tế, các hiệp ước, hiệp định với từng nước láng giềng trong quan hệ biên giới; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, góp phần xây dựng quan hệ các nước láng giềng thân thiện và giữa nhân dân hai bên biên giới; đấu tranh ngăn chặn mọi hành động làm phương hại đến quan hệ biên giới giữa hai nước và xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Đấu tranh chống âm mưu và hành động của các thế lực thù địch, các bọn phản cách mạng phá hoại biên giới quốc gia, giữ gìn vững chắc an ninh ở khu vực biên giới của Tổ quốc. Chiến đấu chống các bọn tội phạm có vũ trang, bọn thổ phi, hải phi, biệt kích phá rối an ninh, gây bạo loạn ở vùng biên giới.

- Trực tiếp và phối hợp với các lực lượng, các ngành có chức năng của Nhà nước đấu tranh chống bọn buôn lậu qua biên giới và các bọn tội phạm khác, bảo vệ lợi ích quốc gia và lợi ích của nhân dân, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên khu vực biên giới.

- Liên hệ chặt chẽ với quần chúng, dựa vào quần chúng để thực hiện nhiệm vụ, đồng thời tuyên truyền vận động nhân dân vùng biên giới, tăng cường đoàn kết dân tộc, thực hiện các hủ trương và chương trình kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước, tích cực xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng nền biên phòng toàn dân và các thế trận an ninh nhân dân trên vùng biên giới.

- Phối hợp với các đơn vị vũ trang khác và nhân dân chiến đấu chống quân xâm lược gây xung đột vũ trang và tiến hành chiến tranh.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình, các đồn Biên phòng tích cực bám, nắm địa bàn, thường xuyên làm tốt công tác tham mưu, giúp cấp ủy, chính quyền địa phương đổi mới nâng cao tính thiết thực, hiệu quả của “Ngày Biên phòng toàn dân”, phong trào “toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”, nhất là xây dựng và duy trì hoạt động của mô hình tổ, hộ gia đình tham gia quản lý, bảo vệ đường biên, cột mốc; tổ an ninh trật tự xóm, ấp và mô hình “Tiếng kèng đường biên”, v.v...

Song song với đó, các đồn Bộ đội Biên phòng thực hiện tốt các phong trào, cuộc vận động phát triển địa bàn dân cư nơi đơn vị đóng quân, như: “Đồng hành cùng phụ nữ biên cương”, “Bộ đội Biên phòng chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới”, “Bộ đội Biên phòng chung tay xây dựng nông thôn mới”, “Nâng bước em tới trường”, “Bò giống cho người nghèo nơi biên giới”, “Con nuôi đồn biên phòng”,... góp phần tăng cường mối đoàn kết, gắn bó máu thịt giữa Bộ đội Biên phòng với nhân dân, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trên khu vực biên giới.

Do tính chất của công việc bảo vệ biên giới trong thời kỳ dịch Covid - 19, chống xâm nhập tuyền, thời gian qua cửa ngõ Tổ Quốc luôn được lực lượng các đồn bộ đội biên phòng chia chót tổ chức tuần tra, canh gác nghiêm ngặt tránh việc nhập cảnh trái phép qua đường mòn gõ tắt, tránh mang dịch bệnh lây lan trong nước. Hoạt động hiệu quả của các đồn biên phòng đã mang lại sự yên tâm và tin tưởng rất lớn cho người dân cả nước. Đúng với hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong thời bình và khẩu hiệu “ Đồn là nhà, biên giới là quê hương” trong công tác bảo vệ biên giới cửa ngõ ngôi nhà Tổ Quốc.

# CĂN CỨ TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

## NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH THẮNG LỢI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

*Đường Văn Hạnh*

*Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn phải đương đầu với các thế lực thù địch mạnh hơn gấp bội, nên địch muốn đánh nhanh thắng nhanh, ăn tươi nuốt sống ta. Do vậy muốn giành thắng lợi, giữ gìn bờ cõi đòi hỏi chúng ta phải có kế sách đánh giặc thông minh, sáng tạo và linh hoạt. Cha ông ta đã biết dùng “đoàn binh thắng từng trận”, “lấy yếu đánh mạnh”, “trị binh như trị thủy”... buộc địch phải thực hiện theo ý đồ của ta và “chui vào ống đồng” về nước. Những kế sách ấy, yêu cầu đầu tiên phải làm là xây dựng căn cứ để vừa là nơi bảo toàn lực lượng, vừa là nơi để xây lực lượng và là nơi chuẩn bị mọi mặt để tạo nên sức mạnh tổng hợp chiến thắng quân thù.*

### ***Chiến khu – nền móng cho kháng chiến thắng lợi :***

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, khi phải đương đầu với hai đế quốc lớn mạnh, chúng không chỉ có binh hùng tướng mạnh, trang bị vũ khí hiện đại mà còn có nhiều thủ đoạn với tham vọng nhanh chóng giành thắng lợi. Trong khi đó, so sánh lực lượng của ta còn rất nhiều chênh lệch. Vì vậy, muốn đánh thắng giặc, chúng ta vừa phải biết vận dụng sáng tạo truyền thống đánh giặc của dân tộc, vừa phải có sách lược, chiến lược linh hoạt trong tình hình mới.

Ngay từ những ngày đầu, lãnh đạo Cách mạng nước ta, Đảng và Bác Hồ đã chọn Cao Bằng, nơi mà “tam dòng cuộn cuộn chảy, tứ bề núi chon von” để làm căn cứ địa Cách mạng, để làm nơi đặt chỉ huy, là nơi xây dựng lực lượng tiếp tế hậu cần cho kháng chiến. Không chỉ xây dựng Cao Bằng vững mạnh mà Đảng và Bác Hồ đã chỉ đạo các địa phương xây dựng các căn cứ để phát triển lực lượng và chỉ đạo chiến tranh. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai, ta xây dựng các căn cứ địa vững chắc như: căn cứ địa Thanh Nghệ Tĩnh, căn cứ địa Nam Nghĩa Bình Phú, căn cứ địa Dương Minh Châu, căn cứ địa U Minh, v.v... Chính những căn cứ này đã phát huy được vai trò tác dụng, đó là nơi “Tiên có thể đánh, lùi có thể giữ”, có tiềm năng xây dựng lực lượng chính trị vũ trang và là nơi giải quyết vấn đề hậu cần, tiếp tế và nuôi dưỡng lực lượng kháng chiến. Chính nhờ những căn cứ vững chắc và linh hoạt như vậy đã tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc giành thắng lợi.

### ***Chiến khu R – Thủ đô kháng chiến chống Mỹ***

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến chống Mỹ, nhằm khôi phục lại các cơ sở Cách mạng, các tổ chức Đảng bị tổn thất do chính sách đàn áp của Mỹ-Diệm, Trung ương cục miền Nam được thành lập, lấy căn cứ Mã Đà (chiến khu Đ) làm căn cứ đứng chân, phát triển lực lượng thời kỳ đầu khi lực lượng ta chưa đủ mạnh lấy việc bảo toàn lực lượng là chính, cho nên Mã Đà trở thành địa hình lý tưởng để trung ương cục đứng chân. Nhưng khi tình thế Cách mạng thay đổi, lực lượng Cách mạng phát triển thì Mã



Đà không còn phù hợp vì nơi đây việc tiếp nhận hậu cần khó khăn, chưa tạo được mạch liên kết giữa chiến trường và hậu phương lớn miền Bắc nên Trung ương quyết định dời Trung ương cục về Tây Ninh. Nơi đây vừa là nơi có địa thế hiểm yếu, thuận lợi cho việc đặt sở chỉ huy, phát triển lực lượng, khi tiến công dễ triển khai lực lượng đánh địch, khi rút lui lại thuận lợi cho việc bảo toàn lực lượng. Đây còn là nơi thuận lợi cho triển khai xây dựng hậu cần tại chỗ và tiếp nhận nguồn lương thực vũ khí trang bị từ hậu phương lớn miền Bắc qua nhiều đường (đường Trường Sơn, qua Lào và qua Campuchia, v.v...).

Thực tiễn trong 15 năm đứng chân vững chắc tại Bắc Tây Ninh, căn cứ Trung ương cục chẳng những là niềm tự hào kiêu hãnh cho nhân dân ta mà còn gây ra sự khâm phục cho kẻ thù. Những tướng lĩnh Mỹ trong chiến trường miền Nam trước đây, đã từng gọi căn cứ Trung ương cục là “Nhà Trắng, Lầu Năm Góc của Việt Cộng giữa rừng già”. Toàn bộ cơ quan Trung ương cục và các đơn vị trực thuộc được phân bố trú đóng trong một khu vực có đường kính khoảng 8km. Vùng rừng núi thung lũng này nay thuộc huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Đây là nơi chứng kiến những sự kiện lịch sử trọng đại, nơi sống và làm việc của các nhà lãnh đạo lỗi lạc của Đảng, nhà nước và quân đội ta như đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh... Trung ương cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh miền, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, liên minh các lực lượng dân tộc- dân chủ hòa bình, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam..... đều ra đời tại “thủ đô” kháng chiến này. Đây là nơi tổ chức thành công 15 cuộc họp Trung ương cục, Đại hội mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua, Đại hội đại biểu quốc dân toàn miền... và nhiều hội nghị chuyên đề quan trọng khác như: Hội nghị chiến tranh du kích, Hội nghị bàn về an ninh, Hội nghị bàn về công tác dân vận-mặt trận, Hội nghị tổng kết công tác chống phá áp chiến lược. Đây là nơi phát động sôi nổi các phong trào: “Thi đua áp bức, giết giặc lập công”, “Thi đua tìm Mỹ mà diệt, tìm ngụy mà đánh; bám thắt lưng địch mà đánh”, “thi đua đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”....

### ***Trung ương cục miền Nam luôn linh hoạt - chủ động :***

Sự tồn tại, phát triển và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của căn cứ Trung ương cục về phương diện đối nội cũng như đối ngoại, luôn là mối đe dọa hàng đầu, ám ảnh kẻ thù. Vì vậy, quân Mỹ-Ngụy coi việc triệt tiêu chiến khu Bắc Tây Ninh và đại bản doanh Trung ương cục là nhiệm vụ sinh tử của chúng trên chiến trường. Ngay từ những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, ta đã đương đầu với hoạt động gián điệp, biệt kích và các cuộc hành quân của địch vào căn cứ. Đặc biệt, trong hai cuộc phản công mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, Mỹ-Ngụy đã mở rộng quy mô và gia tăng cường độ các cuộc hành quân trên bộ lớn nhất trên chiến trường (cuộc hành quân Gian Xon – Xi Ti), sử dụng B52 với mật độ cao nhất ngày đêm ném bom hủy diệt căn cứ của ta.

Để đối phó với những âm mưu thủ đoạn của địch trong việc đánh phá vào chiến khu Bắc Tây Ninh, Trung ương cục, quân ủy Bộ Tư lệnh Miền đã linh động đưa ra nhiều biện pháp nhằm đồng bộ hóa ba nhiệm vụ quan trọng về chính trị, quân sự và kinh tế. Nhiều cuộc Hội nghị chuyên đề về an ninh đã được tổ chức thành lập ban an ninh toàn khu, ban an ninh vũ trang, các cụm, xã chiến đấu. Trong các cơ quan dân chính, Đảng trực thuộc Trung ương cục và huyện căn cứ... Qui định chặt chẽ việc phòng gian, bảo mật như : “ Đi không dấu, nấu không khói, nói không nghe tiếng, không để lộ ánh

đèn, không gà gáy, heo kêu...” Chính vì công tác bảo vệ căn cứ được tổ chức thực hiện chặt chẽ, ta đã bảo vệ an toàn chiến khu trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ.

Ngoài việc làm tốt công tác quân sự, chỉ đạo chiến trường, căn cứ Trung ương cục làm tốt, chủ động về kinh tế giảm nhẹ khó khăn trong cung ứng hậu cần, các đơn vị, cơ quan đã tiến hành trồng trọt, chăn nuôi để tự túc và đảm bảo hậu cần tại chỗ.

Suốt chiều dài kháng chiến chống Mỹ, căn cứ Bắc Tây Ninh đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, đã kiến tạo nên địa bàn và đứng chân vững chắc cho Trung ương cục chỉ đạo Cách mạng miền Nam qua các giai đoạn, từ chống “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “chiến tranh phi Mỹ hóa và Việt Nam hóa” cho đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mùa xuân 1975 giành thắng lợi thống nhất đất nước. Trong suốt cuộc chiến tranh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Bác Hồ, căn cứ Trung ương cục miền Nam đã thiết lập được cơ quan đầu não, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, tổ chức, chỉ đạo các chiến lược quân sự, các trận đánh lớn; tiến hành nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, góp phần làm phong phú thêm nghệ thuật chiến tranh nhân dân như ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, chống chiến thuật “Trục thăng vận”, “Chiến xa vận”, chống bình định, xây dựng các căn cứ địa và hậu phương kháng chiến.v.v...

Căn cứ Trung ương cục đã phát huy truyền thống đánh giặc của dân tộc, đã trở thành nhân tố góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Như đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nói: “Chiến khu Bắc Tây Ninh đối với Sài Gòn và Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí tương tự như căn cứ Việt Bắc đối với Hà Nội và đồng bằng Bắc Bộ trong kháng chiến chống Pháp. Từ căn cứ này, quân chủ lực của ta tiến đánh Sài Gòn, thắng địch tại đây và chiến trường Nam Bộ.”

-----

Chiến khu Đ : Nằm trong vùng rừng Đất Cuốc thuộc khu vực xã Mã Đà và xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

Chiến khu R : Nằm trong cánh rừng Chàng Riệc xã Tân Lập, huyện Tân Biên, Tây Ninh.

# TÌM VỀ VÙNG ĐẤT THÁNH TÂY NINH

*Nguyễn Chí Tâm*

*Đạo Cao Đài là tôn giáo do người Việt khai sáng vào đầu những năm 20 thế kỉ trước, tại tỉnh Tây Ninh, phương châm hành đạo bằng tình yêu thương, nhân nghĩa và đạo đức, đến nay đã có hàng triệu tín đồ trong nước và thế giới. Sự phát triển của đạo Cao Đài đã góp phần làm đa dạng, phong phú thêm đời sống tôn giáo, tín ngưỡng và tâm linh.*

## **Sự ra đời của Đạo Cao Đài**

Đầu thế kỷ XX, chính quyền thực dân Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn tăng cường vơ vét tài nguyên, đàn áp nhân dân. Cuộc sống của nhân dân lao động, đặc biệt là người nông dân Nam bộ bị bần cùng hoá. Các cuộc đấu tranh của nhân dân đều thất bại. Bất lực trong cuộc sống, khủng hoảng về tư tưởng, đồng thời các tôn giáo và đạo lý đương thời bị suy thoái đây là tiền đề và điều kiện thuận lợi cho sự ra đời các đạo giáo mới, trong đó có Cao đài giáo.

Đồng thời nhằm “dân dã” hóa các nghi thức của các tôn giáo bác học được du nhập vào nước ta, một số người trí thức thời bấy giờ đã có một số những cải cách về hình thức nghi lễ cũng như giáo luật nhằm từng bước thích ứng với những cộng đồng người Việt lưu dân, rày đây mai đó, sống rải rác khắp các vùng miền còn hoang vu, lam chướng.

Thời ấy, phong trào Thông linh học của phương Tây phát triển nhanh tại Nam bộ, tạo thành phong trào cầu cơ, chấp bút gọi tắt là “cơ bút”. “Cơ bút” trở thành nền tảng căn bản của mọi yếu tố liên quan đến quá trình hình thành và phát triển tôn giáo Cao Đài trong mọi thời điểm, từ việc thu nhận tín đồ, phong chức sắc, ban hành luật đạo, các nghi thức cúng tế, phẩm phục, kinh điển, thậm chí đến các thiết kế cơ sở thờ tự cũng được thông qua bằng phương tiện “Cơ bút”.

Trong các đàn cơ này, có hai nhóm chính hình thành đạo Cao đài. Nhóm thứ nhất do ông Ngô Minh Chiêu, là một quan chức cao cấp trong chính quyền Pháp, ông thường xuyên tới lui những nơi hay tổ chức các buổi đàn cơ, để giao tiếp với các đấng Thiêng liêng. Trong những năm làm quan phủ Dương Đông, Phú Quốc (1919), ông Chiêu thường thiết đàn thỉnh Tiên để cầu thuốc cứu chữa bệnh nhân cùng học hỏi về đường đạo đức.

Nhóm thứ hai, vào khoảng 1925, gồm các quan chức cũng làm việc trong chính quyền Pháp ở Sài Gòn, chịu ảnh hưởng bởi phong trào Thông linh học đang phát triển ở các châu lục thời bấy giờ gồm các ông: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang, thường xuyên tổ chức cầu cơ giải khuây ở Sài Gòn.

Đến đầu năm 1926, trong một bài cơ Đức Thượng đế đã phán dạy hai nhóm cơ bút thống nhất hình thành đạo Cao đài. Ông Ngô Minh Chiêu được Thiên phong phẩm vị Giáo tông đầu tiên của đạo Cao đài.

Ngày 7/10/1926, 28 người đại diện cho 247 tín đồ đã thống nhất ký tên vào Tờ khai đạo gửi chính quyền Pháp. Giữa tháng 11/1926, những chức sắc Thiên phong đầu tiên của đạo Cao đài tổ chức lễ khai đạo tại chùa Gò Kén, Tây Ninh, chính thức cho ra mắt Đạo Cao Đài Tam kỳ Phổ độ, gọi tắt là đạo Cao đài.

Tôn chỉ của đạo Cao đài là "Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi hiệp nhất", lấy sự thương yêu làm nền tảng, lấy nhân nghĩa làm phương châm hành đạo, lấy việc phụng sự chúng sinh làm hành động, lấy sự cứu rỗi các chơn linh làm cứu cánh, phấn đấu xây dựng một xã hội đạo đức, an lạc bằng tinh thần thương yêu đồng đạo. Giáo lý của đạo Cao đài đề cao tính thiêng liêng, sự huyền diệu của cơ bút. Luật lệ của đạo Cao đài thực hiện theo Tân luật, Pháp Chánh truyền. Lễ nghi của đạo Cao đài khá cầu kỳ thể hiện tinh thần Tam giáo đồng nguyên. Đạo Cao đài thờ Thiên nhân, có nghĩa là “mắt trời”, biểu tượng Đức Chí Tôn của đạo Cao đài. Cơ sở thờ tự có Tòa thánh ở Trung ương giáo hội và thánh thất (thánh tịnh, điện thờ Phật Mẫu) ở Họ đạo cơ sở

### ***Trái tim của vùng “đất Thánh”***

Sau ngày khai đạo, những chức sắc lãnh đạo giáo hội Cao đài tiến hành tìm đất xây dựng tòa thánh, phát triển các thánh thất, điện thờ, xây dựng giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức Giáo hội

Trong một lần cầu cơ Lão chú tôn phán rằng : “ Chư Đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Tòa Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh này mà thôi, vì là Thánh địa, vả lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học đạo”. Ngoài ra, theo thuyết phong thủy vùng đất này có sáu mạch nước ngầm hội tụ sâu hơn ba trăm thước, như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa sáu nguồn, làm như sáu con rồng doanh nhau. Nguồn nước ấy trùng ngay đỉnh núi, gọi là *Lục Long Phò Ấn*. Không chỉ thế vùng đất Tây Ninh tọa lạc trên một vùng đất cao ráo, đứng với tên gọi của đạo Cao Đài (nơi thờ trên cao), lại có núi rừng bao bọc xung quanh, biệt lập rất thuận lợi cho việc tu hành, hành đạo.

Dù đã chọn được vị trí xây tòa thánh và được Lý Thái Bạch chỉ vẽ kiêu dáng, kích thước xây to nhỏ, qua những lần cầu cơ, nhưng mới đầu hội thánh quá nghèo, tín đồ còn ít nên chỉ dựng tạm nhà tre vách ván cho các chức sắc nghỉ tạm để thực hiện giáo chức. Mãi đến năm 1931 tòa thánh bắt đầu được khởi công xây dựng; qua rất nhiều lần gián đoạn năm 1947 mới hoàn thành và do hoàn cảnh lịch sử lễ khánh thành tới năm 1955 mới tổ chức.

Khuôn viên nội ô Tòa Thánh Tây Ninh có tổng diện tích gần 1km<sup>2</sup>. Có gần 100 công trình kiến trúc tôn giáo lớn nhỏ như Tòa Thánh, Điện thờ Phật Mẫu, Bảo tháp... Tất cả được nối liền nhau bởi những con đường lớn.

Tòa thánh dài 140 m, rộng 40 m, cửa chính hướng về phía Tây, quay về Tây chúc trúc nơi có Phật Thích ca nâu ni khai sáng đạo Phật. Với Tam Đài cao 36 m, Hiệp Thiên Đài (hai lầu chuông) cao 25 m, Cửu Trùng Đài, Bát Quái Đài và Nghinh Phong Đài cao 30 m. Nhìn xa lại ta thấy tòa thánh hiện lên giữa đất trời đầy nắng Tây Ninh uy nghiêm và tĩnh lặng, như một cư sĩ đang niệm chú.

Tòa Thánh có 12 cổng đều được chạm khắc hình long, lân, quy, phụng và hoa sen. Cổng nào cũng được xây theo kiểu tam quan như kiến trúc cổng chùa ở nước ta. Một cổng gồm ba lối vào, lối chính giữa giành cho vua chúa, cổng tả cho quan văn, cửa hữu cho quan võ, ngày thường cửa chính đóng chỉ mở hai bên tả hữu. Cổng Chánh Môn là cổng lớn nhất với trang trí khác biệt mang hình lưỡng long tranh châu. Ngay trước mặt của Tòa Thánh Tây Ninh, có hình con mắt tỏa ra hào quang được gọi là Thiên Nhân. Đây là biểu tượng thiêng liêng của đạo Cao Đài. Bên trong tòa thánh còn thờ các vị Phật Thích Ca, Phật Bà Quan Âm, Khổng Tử, Lão Tử, chúa Jesus...

Các cột trụ trong Tòa Thánh được chạm nổi hình rồng uốn lượn tinh xảo. Nền Tòa Thánh có chín cấp gọi là “Cửu phẩm thần tiên”, mỗi cấp ứng với một cấp của tín đồ. Trong khu chính điện, Thiên Nhân được gắn trên quả cầu có 3.027 ngôi sao xung quanh tượng trưng cho các vì tinh tú. Thiên Nhân là biểu trưng cho con mắt của Thượng Đế đang nhìn xuống chúng sinh. Thấy rõ mọi hành vi thiện ác của con người để thưởng, phạt công minh.

Kiến trúc của Tòa Thánh Tây Ninh có sự kết hợp giữa quan điểm triết học Đông – Tây. Phương Đông uy nghi trầm mặc với những nét rồng bay, phượng múa, phân biệt uy quyền trong các lối đi bậc thềm; phong cách phương Tây đề cao sự khỏe mạnh kiên hãnh với những cột trụ cao vút, những tháp chuông lực lưỡng tràn đầy sức mạnh.

Chỉ huy công trình kiến trúc độc đáo này là những vị trong nhóm khai đạo. Tất cả các vị này chưa từng học qua lớp kiến trúc xây dựng cơ bản. Họ cũng không lên bản vẽ kiến trúc trước, mà xây dựng theo ngẫu hứng làm đến đâu thiết kế miệng đến đó. Những người này làm việc cực kỳ thủ công và không có máy móc can thiệp. Hàng chục ngàn họa tiết điêu khắc, hàng chục bức tượng đạt trình độ mỹ thuật cao đã ra đời từ đôi tay khéo léo của người nông dân từ đầu thế kỉ 20.

Giúp không gian tòa thánh thoáng đãng, mát mẻ, trong lành, hai bên có khu vườn lớn, rậm rạp cây lá, có những cây dầu, cao su...cao vút lâu năm, được trồng từ trước khi công trình này hoàn thiện.

### ***Đạo Cao Đài, cùng dòng chảy dân tộc.***

Trong năm 1926 - 1927, thông qua cơ bút đạo Cao đài đã tập trung xây dựng xong hai văn bản quan trọng qui định luật lệ, lễ nghi và tổ chức Giáo hội là Pháp Chánh truyền và Tân luật, đến năm 1930 hoạt động tại Tòa thánh dần dần được củng cố và đi vào nề nếp, những chức sắc thường trực đã thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ, các cơ sở đạo phát triển, tổ chức Giáo hội hình thành từ Trung ương đến cơ sở.

Từ 1931 đến 1934, mâu thuẫn giữa một số chức sắc Hiệp Thiên đài và Cử Trùng đài ngày càng nặng nề, tình hình nội bộ Giáo hội mất đoàn kết ngày càng tăng, một số chức sắc cao cấp bất đồng với Tòa thánh đã tự hoạt động theo ý riêng, tiến hành lập nhiều đàn cơ để lôi kéo tín đồ. Vì vậy, nội bộ chức sắc xuất hiện tư tưởng ly khai khỏi Tòa thánh như các ông Nguyễn Văn Ca, Nguyễn Hữu Chính, Trần Đạo Quang, Nguyễn Ngọc Tương, Lê Bá Trang, các vị chức sắc rời Tòa thánh Tây Ninh về các địa phương lập ra các chi phái Cao đài mới như: Cao đài Ban Chính đạo, Cao đài Tiên Thiên, Cao đài Chơn lý, Cao đài Minh Chơn đạo, Cao đài Bạch y...



Tuy vậy, sự phân chia thành nhiều hệ phái đã không làm giảm tốc độ phát triển nền tôn giáo, đạo Cao Đài đã nhanh chóng trở thành một tôn giáo có ảnh hưởng lớn ở Nam Kỳ, thậm chí phát triển ra cả ở Trung, Bắc Kỳ và cả Cao Miên. Các lãnh đạo Cao Đài đều là những người có học thức, có địa vị xã hội và rất ảnh hưởng đến quần chúng.

Một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ và có nhiều khả năng thu hút quần chúng như đạo Cao Đài luôn là mối đe dọa đến sự cai trị của chính quyền thực dân. Dưới áp lực của thực dân Pháp, các chỉ dụ cấm đạo ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Cao Miên và Ai Lao đã được ban hành. Chính quyền thực dân Pháp đã ra tay trừ khử trước ảnh hưởng của đạo Cao Đài trong quần chúng bằng cách bắt giữ Hộ pháp Phạm Công Tắc và đày ở Madagascar. Nhiều chức sắc Cao Đài khác cũng bị bắt giam hoặc quản thúc. Tòa Thánh Tây Ninh bị chiếm đóng. Nhiều thánh thất Cao Đài tại các nơi khác cũng bị quản chế hay phá hủy.

Do sự vận động của các cán bộ Việt Minh, nhiều chức sắc Cao Đài, là lãnh đạo nòng cốt ở các phái Tiên Thiên, Ban Chính Đạo và Minh Chơn Đạo, đã bí mật thành lập Hội Cao Đài Cứu Quốc. Hội hoạt động chủ yếu ở các vùng xa miền Tây Nam Bộ, bí mật tập hợp lực lượng trên nền tảng "Thanh niên Đạo đức đoàn", có xu hướng đấu tranh chống cả Pháp lẫn Nhật.

Sau khi giành được chính quyền cuối tháng 8 năm 1945, nhiều chức sắc Cao Đài được chính quyền Việt Minh mời ra tham chính. Tại Tây Ninh, một tín đồ Cao Đài là ông Trương Văn Xương được mời làm Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chánh tỉnh, một chức sắc Cao Đài khác là Giáo sư Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử) được mời làm cố vấn.

Ngoài ra, tại Tòa thánh Tây Ninh, Đảng ta đã xây dựng được 10 chi bộ Đảng, trực tiếp lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Ngày 9-1-1957, nhân ngày vía "đức Chí tôn", ngày lễ lớn nhất của đạo Cao Đài, 10 chi bộ trong Tòa thánh lãnh đạo 4.000 tín đồ của 33 chân đạo tập trung ở Tòa thánh gây gộc cầm tay đấu tranh chống "Thỏa ước Bính Thân", lên án Mỹ - Diệm dùng quân đội tiến công Tòa thánh, nơi tôn nghiêm của đạo. Trước sức mạnh 177 của quần chúng, tên Tỉnh trưởng Tây Ninh phải nhượng bộ, hứa hẹn thỉnh thị với cấp trên giải quyết yêu cầu của đạo hữu.

Giai đoạn từ năm 1975 đến nay các phái Cao đài không hoạt động theo mô hình tổ chức cũ. Các Hội thánh Cao đài xây dựng tổ chức hành chính đạo theo hai cấp: cấp Trung ương là Hội thánh, cấp cơ sở là Hộ đạo và xác định đường hướng hành đạo "Nước vinh, Đạo sáng".























